

Số: 716/TTr-TNMT

Yên Thế, ngày 17 tháng 8 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản (đất san lấp) trong quá trình san gạt mặt bằng, hạ cốt nền để xây nhà ở của hộ ông Nguyễn Văn Triệu tại tổ dân phố Bà Ba, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Yên Thế.

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 về phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Biểu mức thuế suất tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.

Căn cứ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang quy định mức thu và tỷ lệ điều tiết phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Giang: số 1343/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về quy định giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2023; số 172/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố quyết định cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

Ngày 03/8/2023 Phòng Tài nguyên và Môi trường nhận đơn xin phép khai thác khoáng sản (đất san lấp) trong quá trình san gạt mặt bằng, hạ cốt nền để xây nhà ở trong diện tích thửa đất ở tại khu vực tổ dân phố Bà Ba, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế của hộ ông Nguyễn Văn Triệu (kèm theo phương án);

Sau khi xem xét hồ sơ và căn cứ biên bản Thẩm định ngày 03/8/2023, phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND huyện các nội dung như sau:

I. Kết quả thẩm định hồ sơ

1. Thông tin chung

- Chủ sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn Văn Triệu, CCCD số: 024061008411

- Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Bà Ba, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Địa điểm khai thác khoáng sản san lấp trong quá trình san gạt mặt bằng: Tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 21, diện tích 5979m² được UBND huyện Yên Thế cấp GCN QSDĐ ngày 22/8/2003 có số phát hành Y 253770, số vào sổ 00723.

- Diện tích xin khai thác 990m² với trữ lượng khai thác là 1866m³ (sau tính hệ số nở rời là 2.370m³).

2. Văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị khai thác khoáng sản

2.1 Bản chính:

(1) Đơn đề nghị cho phép khai thác khoáng sản đất san lấp trong quá trình san gạt mặt bằng, hạ cốt nền;

(2) Giấy phép xây dựng cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Triệu;

(3) Phương án khai thác khoáng sản; bản vẽ thiết kế phương án khai thác khoáng sản đất san lấp trong quá trình san gạt mặt bằng, hạ cốt nền.

2.2. Các văn bản, tài liệu khác: Bản sao GCN QSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Văn Triệu.

Thành phần Hồ sơ đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 65 Luật Khoáng sản năm 2010 và Điều 53 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

3. Kiểm tra thực địa tại địa điểm khai thác

Các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 thể hiện vị trí tọa độ theo đúng bản vẽ thiết kế. Thửa đất nằm trong khu dân cư TDP Bà Ba, thị trấn Phồn Xương. Tại thời điểm kiểm tra trên đất có 01 nhà ở diện tích khoảng 50m², cây ăn quả và bạch đàn khoảng 5 năm tuổi.

II. Đề xuất, kiến nghị:

Từ những kết quả nêu trên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Khoáng sản; Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND huyện một số nội dung như sau:

1. Cấp phép hộ ông Nguyễn Văn Triệu được khai thác khoáng sản (đất san lấp) trong quá trình san gạt mặt và hạ cốt nền để xây nhà ở trong diện tích đất ở, đất trồng cây lâu năm tại thửa số 10, tờ bản đồ số 21, diện tích 5979m² tại tổ dân phố Bà Ba, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

- Diện tích khai thác 990m² (*Chín trăm chín mươi mét vuông*), được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định trên bản đồ tỷ lệ 1/500, hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰. (*Phụ lục 1 kèm theo*).

- Mức sâu khai thác: Theo bản vẽ thiết kế phương án khai thác mức sâu hạ thấp độ cao bình quân +23,8m (cao bằng mặt đường bê tông gần điểm góc số).

- Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: 1.866m³ (sau tính hệ số nở ròi là 2.370m³).

- Địa điểm tiếp nhận đất san lấp: Dự án Khu đô thị kết hợp tái định cư khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế.

- Tuyến đường vận chuyên: Từ địa điểm san gạt, hạ cốt nền theo đúng cung đường liên tổ dân phố Bà Ba – Cả Dinh -> Dự án Khu đô thị kết hợp tái định cư khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám tại thị trấn Phồn Xương.

- Thời hạn khai thác: 15 ngày, kể từ ngày ký quyết định cho phép.

2. Hộ ông Nguyễn Văn Triệu có trách nhiệm:

- Kê khai, nộp nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Chi cục thuế khu vực Tân Yên - Yên Thế đối với khối lượng đất được cấp phép khai thác (1.866m³) với tổng số tiền 11.516.140 đồng, trong đó: Thuế tài nguyên là 4.478.960 đồng, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 1.823.576 đồng, tiền phí bảo vệ môi trường là 5.213.604 đồng. (*Phụ lục 2 kèm theo*).

- Trước khi tiến hành khai thác khoáng sản phải cắm mốc giới khu vực dự án phối hợp UBND thị trấn Phồn Xương bàn giao mốc giới các điểm góc khu vực khai thác tại thực địa, đồng thời quản lý mốc giới khu vực dự án trong suốt quá trình hoạt động; đăng ký số lượng phương tiện, thiết bị phục vụ cho việc thi công, vận chuyển đất và thời gian thực hiện cho UBND thị trấn Phồn Xương, các phòng ban liên quan đến quản lý môi trường, giao thông;

- Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng quy định tại Điều 1 Quyết định này. Phải báo cáo đúng sản lượng khai thác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trong quá trình khai thác đất, nếu phát hiện có khoáng sản khác có ích đi kèm phải dừng ngay việc khai thác, đồng thời có báo cáo UBND thị trấn Phồn Xương, phòng Tài nguyên và Môi trường để xem xét, quyết định; trường hợp thực hiện khai thác vượt ra ngoài phạm vi diện tích, độ sâu cho phép thì hộ ông Nguyễn Văn Triệu sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời đình chỉ hoạt động và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật;

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông tại khu vực dự án, trên đường vận chuyên và qua khu dân cư; sử dụng phương tiện vận chuyên đất có tải trọng phù hợp tuyến đường, đúng tuyến đường và thời gian vận chuyên cam kết theo phương án đã lập và được chấp thuận; không sử dụng phương tiện coi nới thành thùng, không bốc xúc, vận chuyên quá khổ, quá tải trọng cho phép.

- Cải tạo, sửa chữa những tuyến đường bị ảnh hưởng do việc máy móc, thiết bị, phụ vụ quá trình khai thác đất gây ra và chấp hành các quy định khác có liên quan; thực hiện đúng nội dung đã được UBND thị trấn Phồn Xương xác nhận.

- Có báo cáo về kết quả thực hiện khai thác, vận chuyển đất trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày hết hạn khai thác về UBND thị trấn Phồn Xương để kiểm tra, xác nhận, đồng thời có báo cáo về UBND huyện qua phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

3. UBND thị trấn Phồn Xương: Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường cắm mốc giới khu vực dự án trước khi hộ ông Nguyễn Văn Triệu thực hiện khai thác; bàn giao mốc giới các điểm góc khu vực khai thác tại thực địa; thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động khai thác, vận chuyển đất tại công trình của chủ sử dụng đất; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm của chủ sử dụng đất và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Kết quả báo cáo Chủ tịch UBND huyện và gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi.

4. Chi cục Thuế khu vực Tân Yên - Yên Thế có trách nhiệm: Đôn đốc hộ ông Nguyễn Văn Triệu thực hiện kê khai, nộp các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước đối với khoáng sản khai thác trong diện tích khai thác theo quy định.

5. Công an huyện: Thường xuyên kiểm tra mốc giới khu vực khai thác đất san lấp trong suốt quá trình hoạt động; quản lý lượng phương tiện vận chuyển đất và thời gian thực hiện, quản lý môi trường, giao thông; trường hợp thực hiện khai thác vượt ra ngoài phạm vi diện tích, độ sâu cho phép thì thiết lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời đình chỉ hoạt động và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

Đề nghị UBND huyện xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TP và các PTP TNMT;
- Lưu: VT, HS.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Quý

PHỤ LỤC 1

Vị trí, tọa độ khu vực khai thác khoáng sản (đất san lấp) trong quá trình san gạt mặt bằng, hạ cốt nền để xây nhà ở của hộ ông Nguyễn Văn Triệu, tại TDP Bà Ba, TT Phồn Xương

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-TNMT ngày / /2023 Phòng TN&MT)

Khu vực	Điểm khép góc	Tọa độ VN-2000		Diện tích (m ²)
		Kinh tuyến trực 107 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰		
		X (m)	Y (m)	
Vị trí khai thác tại thửa đất của Hộ ông Nguyễn Văn Triệu thuộc địa phận TDP Bà Ba, thị trấn Phồn Xương	1	2375586	408577	990
	2	2375607	408557	
	3	2375620	408576	
	4	2375622	408607	
	5	2375610	408607	
	6	2375608	408602	
	7	2375605	408597	

PHỤ LỤC 2**Xác định nghĩa vụ tài chính trong quá trình san gạt mặt bằng, hạ cốt nền để xây dựng nhà ở của hộ ông Nguyễn Văn Triệu, tại TDP Bà Ba, TT Phôn Xương***(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-TNMT ngày / /2023 Phòng TN&MT)***1. Đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**

Theo khoản 2, khoản 3, Điều 64, Luật Khoáng sản quy định trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Việc tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Cụ thể:

Từ công thức: $T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R$, trong đó:

- T là số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đất san lấp).
 - Q là trữ lượng khoáng sản (đất san lấp) để tính tiền cấp quyền: bằng trữ lượng khoáng sản được phép thu hồi chia (:) cho 0,9, khi đó $Q = (1866\text{m}^3 : 0,9)$.

- G là giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đất san lấp) được tính theo công thức: $G = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}}$ (theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ); trong đó:

+ G_{tn} là giá tính thuế tài nguyên đất san lấp do UBND tỉnh Bắc Giang ban hành (= 27.000 đồng/m³- theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1343/QĐ UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh).

+ K_{qd} là hệ số quy đổi (hệ số K_{qd} được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 7 và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ).

Theo quy định tại điểm a, mục 1, phần IV Phụ lục II thì $K_{\text{qd}} = H_n$ (H_n là hệ số nở rời của đất được áp dụng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4447:2012 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại Phụ lục C- Bảng C1- Hệ số chuyển đổi thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi).

Theo Phụ lục C- Bảng C1 thì hệ số chuyển từ đất tự nhiên sang đất toi đối với đất sét từ 1,26 đến 1,32, lấy trung bình 1,27 là phù hợp; qua đó xác định được $K_{\text{qd}} = H_n = 1,27$.

- K_1 là hệ số thu hồi khoáng sản được quy định cụ thể đối với khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$ (áp dụng quy định tại Điều 5 Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ).

- K_2 là hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn áp dụng theo danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư do Chính phủ quy định về pháp luật đầu tư (Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

Huyện Yên Thế thuộc vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn, do vậy chọn $K_2 = 0,95$ (áp dụng quy định tại Điều 5 Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ).

- R là mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp), $R = 3\%$ (áp dụng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ).

Khi đó số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đất san lấp) phải nộp cấp phép là:

$$T = 1866\text{m}^3 / 0,9 \times (27.000 \times 1,27) \times 0,9 \times 0,95 \times 3\% = \mathbf{1.823.576 \text{ đồng}};$$

2. Về phí bảo vệ môi trường

Được tính toán, xác định theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản và Biểu mức phí bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh. Cụ thể:

Từ công thức: $F = [(Q_1 \times f_1) + (Q_2 \times f_2)] \times K$, trong đó:

- F là số phí bảo vệ môi trường trong kỳ phải nộp.

- Q_1 là khối lượng đất đá bóc xúc thải ra trong kỳ phải nộp. Do việc san gạt, tạo mặt bằng thi công dự án không có khối lượng đất, đá thải ra, vì vậy $Q_1 = 0\text{m}^3$.

- Q_2 là số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ; $Q_2 = 1866\text{m}^3 \times 1,27$

- f_1 là mức phí đối với số lượng đất đá bóc xúc thải ra: 200 đồng/ m^3 .

- f_2 là mức phí tương ứng với khoáng sản khai thác (áp dụng theo biểu mức phí BVMT đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh), $f_2 = 2.000 \text{ đồng}/\text{m}^3$.

- K là hệ số tính phí theo phương pháp khai thác, trong đó: khai thác lộ thiên $K=1,1$; khai thác hầm lò và các hình thức khai thác khác $K=1,0$.

Kết quả xác định phí bảo vệ môi trường đối với khối lượng 2.360m^3 đất khai thác vận chuyển đi san lấp mặt bằng là:

$$F_{vc} = 1866 \text{ m}^3 \times 1,27 \times 2.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \text{ đất} \times 1,1 = \mathbf{5.213.604 \text{ đồng}}$$

3. Về thuế tài nguyên

Được tính toán, xác định theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Biểu mức thuế suất tài nguyên; Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên. Cụ thể:

Thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ = sản lượng tài nguyên tính thuế x giá tính thuế đơn vị tài nguyên (Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1343/QĐ UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh) x thuế suất thuế tài nguyên (quy định tại Biểu mức thuế suất tài nguyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội).

Do đó, thuế tài nguyên khối lượng đất san lấp vận chuyển đi phải nộp là $\mathbf{4.478.960 \text{ đồng}} = (1866\text{m}^3 \times 1,27) \times 27.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 7\%$.